

CHUYÊN ĐỀ: DẠY HỌC CHỦ ĐỀ MÔN ĐỊA LÝ LỚP 9 THEO PHƯƠNG THỨC GIÁO DỤC STEM”

I. LÝ DO CHỌN CHUYÊN ĐỀ:

Hiện nay, giáo dục STEM là một phương pháp giáo dục đang được chú ý rất nhiều. STEM được áp dụng tích cực trong các chương trình giáo dục ở các nước phát triển (như Mỹ, Đức, ...) Tại Việt Nam, giáo dục STEM cũng đang được Bộ Giáo dục và Đào tạo định hướng để phát triển cho các em học sinh, sinh viên trong những năm gần đây. Đồng thời, để đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh. Việc đưa STEM vào trường phổ thông mang lại nhiều ý nghĩa, phù hợp với định hướng đổi mới giáo dục phổ thông, như: nâng cao hứng thú học tập; hình thành, phát triển năng lực và phẩm chất cho học sinh; kết nối trường học với cộng đồng; góp phần hướng nghiệp cho học sinh...

Ngày 28 tháng 09 năm 2020 Sở Giáo dục và Đào tạo Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã triển khai công văn số: 1844/SGDĐT-GDTrHTX về việc hướng dẫn triển khai thực hiện giáo dục STEM trong giáo dục trung học từ năm học 2020 - 2021.

Tuy nhiên, một số thầy cô còn khá mơ hồ về phương thức dạy học này nhất là giáo viên ở các bộ môn khoa học xã hội vì đa số giáo viên lầm tưởng rằng phương thức dạy học này chỉ phù hợp áp dụng đối với các bộ môn khoa học tự nhiên. Chính vì thế, chúng tôi phối hợp thực hiện chuyên đề này với mong muốn sẽ giúp giáo viên bộ môn khoa học xã hội trong thành phố Bà Rịa hiểu rõ hơn về giáo dục STEM là gì, sự cần thiết của việc dạy học STEM hướng tới phát triển năng lực học sinh và hình thức tổ chức dạy học STEM như thế nào?...

II. NỘI DUNG CHUYÊN ĐỀ

1. Giáo dục STEM là gì?

Giáo dục STEM là phương thức giáo dục tích hợp. Nó theo cách tiếp cận liên môn (interdisciplinary) và thông qua thực hành, ứng dụng. Thay vì dạy bốn môn học (**Science, Technology, Engineering and Mathematics**) như các đối tượng tách biệt và rời rạc, STEM kết hợp chúng thành một mô hình học tập gắn kết dựa trên các ứng dụng thực tế. Qua đó, học viên vừa được học lý thuyết, vừa được học cách vận dụng vào thực tiễn. Giáo dục STEM sẽ phá đi khoảng cách giữa hàn lâm và thực tiễn. Tạo ra môi trường làm việc với những con người có tay nghề chuyên nghiệp.

Những kiến thức và kỹ năng vừa nêu phải được tích hợp, lồng ghép và bổ trợ cho nhau giúp học sinh không chỉ hiểu biết về nguyên lý mà còn có thể áp dụng để thực hành và tạo ra được những sản phẩm trong cuộc sống hằng ngày.

Với học sinh phổ thông, việc theo học các môn học STEM còn có ảnh hưởng tích cực tới khả năng lựa chọn nghề nghiệp tương lai. Khi được học nhiều dạng kiến thức trong một thể tích hợp, học sinh sẽ chủ động thích thú với việc học tập thay vì thái độ e ngại hoặc tránh né một lĩnh vực nào đó, từ đó sẽ khuyến khích các em có định hướng tốt hơn khi chọn chuyên ngành cho các bậc học cao hơn và sự chắc chắn cho cả sự nghiệp về sau. Những

học sinh học theo cách tiếp cận giáo dục STEM đều có những ưu thế nổi bật như: kiến thức khoa học, kỹ thuật, công nghệ và toán học chắc chắn; khả năng sáng tạo, tư duy logic; hiệu suất học tập và làm việc vượt trội; và có cơ hội phát triển các kỹ năng mềm toàn diện hơn trong khi không hề gây cảm giác nặng nề, quá tải đối với học sinh.

Giáo dục STEM vận dụng phương pháp học tập chủ yếu dựa trên thực hành và các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, các phương pháp giáo dục tiên bộ, linh hoạt nhất như Học qua dự án - chủ đề, Học qua trò chơi và đặc biệt phương pháp Học qua hành luôn được áp dụng triệt để cho các môn học tích hợp STEM.

Trong thời gian gần đây **mô hình giáo dục STEM** xuất hiện khá phổ biến tại Việt Nam. Với mô hình học đòi hỏi sự tư duy thúc đẩy quá trình sáng tạo ở trẻ nhỏ, phương pháp học này đã được rất nhiều người trên thế giới tin tưởng và định hướng cho con mình theo học. Và tới ngày hôm nay, nhiều trường học trên toàn quốc cũng đã đưa mô hình này vào chương trình dạy học cho học trò.

❖ **Sự khác biệt giữa mô hình dạy học STEM và mô hình giáo dục truyền thống**
 ➤ **Mô hình giáo dục truyền thống vận hành như thế nào?**

Chúng ta không thể phủ nhận tầm quan trọng của mô hình giáo dục truyền thống mang lại cho mỗi học sinh. Bởi đó là cái gốc rễ để hình thành nên tư duy và nhận thức của trẻ nhỏ. Với bất kỳ lứa trẻ nào lớn lên, đều sẽ bắt đầu tiếp xúc với mô hình dạy học này từ khi còn lứa tuổi mầm non cho đến khi tốt nghiệp lớp 12. Chương trình học của các em được học qua rất nhiều môn như: **Toán, Văn, Lịch sử, Địa lý, Khoa học, Công nghệ,...** Trong lớp học thì thầy cô giáo bộ môn sẽ là người truyền tải nội dung kiến thức đến với học sinh, thông qua lời nói, mô hình, bức tranh hay bất cứ công cụ giảng dạy nào khác. Trong quá trình học tập, học sinh sẽ thường làm bài kiểm tra để giáo viên có thể đánh giá trình độ hiểu bài cũng như khả năng học tập của mỗi người. Tuy nhiên, Việt Nam hiện là quốc gia đang trong thời kỳ phát triển kinh tế, tiềm lực kinh tế so với những nước phát triển đang ở mức khá xa. Do vậy, học sinh ít được trang bị những buổi thực hành để hiểu rõ kiến thức nắm được, hầu hết chỉ thông qua lý thuyết.

➤ **Giờ học thực hành**

Đây là điểm khác nhau rõ nét nhất giữa **mô hình giáo dục STEM** và mô hình giáo dục truyền thống. Với cách dạy truyền thống, bởi lượng kiến thức truyền tải đến học sinh không chỉ gói gọn trong 4 môn học mà còn nhiều môn khác nữa. Thành ra thời gian thực hành cho học sinh rất ít. Có khi cả một kỳ học chỉ được một vài tiết thực hành đơn giản.

Đối với **mô hình giáo dục STEM** học sinh được thực hành trong mỗi buổi học. Sau khi được hướng dẫn cách làm cũng như học những điều về bài học hôm đó. Các bạn nhỏ dưới sự hướng dẫn của giáo viên sẽ được thực hành ngay lập tức. Giúp các con không bị quên kiến thức cũng như hiểu rõ nhất những điều mình vừa tiếp thu.

➤ **Phát triển khả năng sáng tạo**

Việc truyền tải nội dung của cách dạy truyền thống hầu hết thông qua sách và những con chữ. Học sinh hiểu bài bằng cách ghi nhớ và làm bài tập trên giấy. Chính bởi điều này, các em khó có cơ hội được thử sức mình để làm những điều mới mẻ. Và chỉ dừng lại ở mức độ phát triển tư duy nhận thức về kiến thức lý thuyết.

Đối với **mô hình giáo dục STEM** học sinh được thực hành thường xuyên và tự sáng tạo ra những cái mới. Một mô hình cơ bản được tạo nên dựa trên kiến thức cốt lõi. Nhưng từ đó các em có thể tự sáng tạo ra hàng loạt mô hình khác nhau, với nhiều màu sắc cũng như tính năng sử dụng. Điều này học sinh được rèn luyện qua mỗi buổi học

➤ **Trải qua các kỳ thi**

Đối với cách dạy truyền thống việc học sinh trải qua các kỳ thi lớn nhỏ là điều hoàn toàn bình thường. Thường xuyên diễn ra lặp đi lặp lại trong tiến trình học. Những bài kiểm tra nhỏ 5 phút đầu giờ, kiểm tra 1 tiết hay những kỳ thi cuối kỳ, tốt nghiệp. Học sinh và chính bản thân bố mẹ luôn phải áp lực với điểm số của con tại trường. Kết quả những bài thi là thước đo khả năng học tập của mỗi học sinh. Giúp giáo viên và nhà trường phân loại được học sinh này được xếp loại như thế nào.

Đối với **phương pháp giáo dục STEM** học sinh được trải nghiệm là chủ yếu và không cần phải trải qua việc thi cử áp lực. Điều này vừa tạo cho các em môi trường thoải mái nơi học tập. Để các con được thỏa sức sáng tạo và làm những điều mình muốn.

❖ **Những điểm mạnh của giáo dục STEM có thể kể đến:**

➤ **Thứ nhất:**

Giáo dục STEM đề cao đến việc hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho người học. Trong mỗi bài học theo chủ đề STEM, các em học sinh, sinh viên được đặt trước một tình huống có vấn đề thực tiễn cần giải quyết liên quan đến các kiến thức khoa học. Để giải quyết vấn đề đó, học viên phải tìm tòi, nghiên cứu những kiến thức thuộc các môn học có liên quan đến vấn đề (qua sách giáo khoa, học liệu, thiết bị thí nghiệm, thiết bị công nghệ) và sử dụng chúng để giải quyết vấn đề đặt ra.

Các kiến thức và kỹ năng này phải được tích hợp, lồng ghép và bổ trợ cho nhau giúp học sinh không chỉ hiểu biết về nguyên lý mà còn có thể thực hành và tạo ra được những sản phẩm trong cuộc sống hằng ngày. Tư tưởng này của giáo dục STEM đã được khai thác một cách triệt để giúp học viên chủ động, tích cực tư duy, giúp học viên tiếp nhận vấn đề nhanh nhạy và hiệu quả hơn.

➤ **Thứ hai:**

Giáo dục STEM đề cao một phong cách học tập mới cho người học. Đó là phong cách học tập sáng tạo. Đặt người học vào vai trò của một nhà phát minh. Người học sẽ phải hiểu thực chất của các kiến thức được trang bị:

- Phải biết cách mở rộng kiến thức;
- Phải biết cách sửa chữa, chế biến lại chúng cho phù hợp với tình huống có vấn đề mà người học đang phải giải quyết.

➤ **Thứ ba:**

Mô hình giáo dục STEM được xây dựng dựa trên nền tảng kiến thức của mô hình giáo dục truyền thống. Phương pháp này là ***cách thức tổ chức chương trình giảng dạy thực tế có sự tích hợp của khoa học công nghệ, kỹ thuật và toán học***. Nội dung học sẽ được xây dựng trên kiến thức học sinh đã được học trên lớp. Mỗi bài dạy sẽ được xây dựng dựa trên hình thức chủ đề. Và mỗi chủ đề khi phân tách ra sẽ là sự tổng hợp kiến thức của bốn môn học đó,

Trẻ em được thỏa sức sáng tạo với mô hình giáo dục STEM: Với mô hình này luôn đề cao tính thực tiễn cũng như tư duy của học sinh lên trên hết. Giúp các em hiểu được những gì các em đang học sẽ được ứng dụng ngoài đời sống như thế nào. Khiến cho môn học được thực tế hóa và không còn dừng lại ở phạm trù lý thuyết nữa.

Ví dụ: Ngày hôm nay chủ đề bài học về Mặt Trời. Đây là một chủ đề về Khoa học. Học sinh sẽ không dừng lại ở lượng kiến thức hệ mặt trời được cấu tạo như thế nào? Hay đặc điểm của hệ mặt trời là gì? Mà hơn thế nữa, học sinh được học cách làm thế nào để phát triển kính thiên văn. Đây là Công Nghệ. Cách tạo nên giá đỡ cho kính thiên văn. Đây là kỹ thuật. Cách tính toán khoảng cách và bán kính giữa các ngôi sao. Đây là toán học.

2. Sự cần thiết dạy học STEM hướng tới phát triển năng lực học sinh

Tăng cường áp dụng giáo dục STEM trong giáo dục trung học nhằm góp phần thực hiện mục tiêu của Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018;

Giáo viên thiết kế các bài học STEM để triển khai trong quá trình dạy học các môn học thuộc chương trình giáo dục phổ thông theo hướng tiếp cận tích hợp nội môn hoặc tích hợp liên môn. Nội dung bài học STEM bám sát nội dung chương trình của các môn học nhằm thực hiện chương trình giáo dục phổ thông theo thời lượng quy định của các môn học trong chương trình. Học sinh thực hiện bài học STEM được chủ động nghiên cứu sách giáo khoa, tài liệu học tập để tiếp nhận và vận dụng kiến thức thông qua các hoạt động: lựa chọn giải pháp giải quyết vấn đề; thực hành thiết kế, chế tạo, thử nghiệm mẫu thiết kế; chia sẻ, thảo luận, hoàn thiện hoặc điều chỉnh mẫu thiết kế dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

Việc đưa giáo dục STEM vào nhà trường mang lại ý nghĩa thiết thực, phù hợp với đổi mới giáo dục phổ thông. Cụ thể: Việc thực hiện các dự án dạy học STEM hướng tới việc vận dụng kiến thức liên môn vào giải quyết tình huống thực tiễn, học sinh được tham gia hoạt động, trải nghiệm và hiểu được ý nghĩa của tri thức, của khoa học, công nghệ đối với cuộc sống. Khi triển khai các dự án, học sinh được hợp tác cùng nhau, chủ động thực hiện các nhiệm vụ dạy học, làm quen với việc nghiên cứu khoa học. Qua đó hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh. Giáo dục STEM góp phần đảm bảo giáo dục toàn diện và nâng cao hứng thú học tập cho học sinh.

Trong xu thế toàn cầu hóa và sự phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, lượng tri thức khoa học được sản sinh với tốc độ ngày càng cao, cơ cấu nghề nghiệp có nhiều thay đổi, đòi hỏi con người cần có đủ năng lực để thích ứng. Giáo dục STEM là hướng tiếp cận hiện đại giúp học sinh phát triển nhiều năng lực như: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực ngôn ngữ, tính toán, tìm hiểu tự nhiên và xã hội, công nghệ tin học, thẩm mỹ... Vì vậy việc triển khai dạy học STEM trong nhà trường có vai trò hết sức quan trọng và cấp thiết góp phần thúc đẩy quá trình đổi mới giáo dục.

3. Tổ chức dạy học STEM như thế nào?

❖ Quy trình xây dựng bài học STEM

- Bước 1: Lựa chọn nội dung dạy học Căn cứ vào nội dung kiến thức trong chương trình môn học và các hiện tượng, quá trình gắn với các kiến thức đó trong tự nhiên, xã hội; quy trình hoặc thiết bị công nghệ ứng dụng kiến thức đó trong thực tiễn để lựa chọn nội dung của bài học.

- Bước 2: Xác định vấn đề cần giải quyết để giao cho học sinh thực hiện sao cho khi giải quyết vấn đề đó, học sinh phải học được những kiến thức, kỹ năng cần dạy trong chương trình môn học đã được lựa chọn hoặc vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã biết để xây dựng bài học.

- Bước 3: Xây dựng tiêu chí của sản phẩm/giải pháp giải quyết vấn đề Xác định rõ tiêu chí của giải pháp/sản phẩm làm căn cứ quan trọng để đề xuất giả thuyết khoa học/giải pháp giải quyết vấn đề/thiết kế mẫu sản phẩm.

- Bước 4: Thiết kế tiến trình tổ chức hoạt động dạy học:

+ Tiến trình tổ chức hoạt động dạy học được thiết kế theo các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực với các hoạt động học bao hàm các bước của quy trình kỹ thuật.

+ Mỗi hoạt động học được thiết kế rõ ràng về mục đích, nội dung, dự kiến sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành và cách thức tổ chức hoạt động học tập. Các hoạt động học tập đó có thể được tổ chức cả ở trong và ngoài lớp học (ở trường, ở nhà và cộng đồng).

+ Cần thiết kế bài học điện tử trên mạng để hướng dẫn, hỗ trợ hoạt động học của học sinh bên ngoài lớp học.

❖ Thiết kế tiến trình dạy học

- Tiến trình bài học STEM tuân theo quy trình kỹ thuật, nhưng các bước trong quy trình có thể không cần thực hiện một cách tuần tự mà thực hiện song song, tương hỗ lẫn nhau. Hoạt động nghiên cứu kiến thức nền có thể được tổ chức thực hiện đồng thời với việc đề xuất giải pháp; hoạt động chế tạo mẫu có thể được thực hiện đồng thời với việc thử nghiệm và đánh giá. Trong đó, bước này vừa là mục tiêu vừa là điều kiện để thực hiện bước kia.

- Mỗi bài học STEM có thể được tổ chức theo 5 hoạt động dưới đây. Trong đó, hoạt động 4 và 5 được tổ chức thực hiện một cách linh hoạt ở trong và ngoài lớp học theo nội dung và phạm vi kiến thức của từng bài học.

- Mỗi hoạt động phải được mô tả rõ mục đích, nội dung, dự kiến sản phẩm hoạt động của học sinh và cách thức tổ chức hoạt động.

- Nội dung hoạt động có thể được biên soạn thành các mục chứa đựng các thông tin như là nguyên liệu, kèm theo các lệnh hoặc yêu cầu hoạt động để học sinh tìm hiểu, gia công trí tuệ để giải quyết vấn đề đặt ra trong hoạt động; cách thức tổ chức hoạt động thể hiện phương pháp dạy học, mô tả cách thức tổ chức từng mục của nội dung hoạt động để học sinh đạt được mục đích tương ứng.

+ **Hoạt động 1:** Xác định vấn đề Giáo viên giao cho học sinh nhiệm vụ học tập chứa đựng vấn đề. Trong đó, học sinh phải hoàn thành một sản phẩm học tập hoặc giải quyết một vấn đề cụ thể với các tiêu chí đòi hỏi học sinh phải sử dụng kiến thức mới trong bài học để đề xuất, xây dựng giải pháp. Tiêu chí của sản phẩm là yêu cầu hết sức quan trọng, buộc học sinh phải nắm vững kiến thức mới thiết kế, giải thích được thiết kế cho sản phẩm cần làm.

+ **Hoạt động 2:** Nghiên cứu kiến thức nền và đề xuất giải pháp Tổ chức cho học sinh thực hiện hoạt động học tích cực, tăng cường mức độ tự lực tùy thuộc từng đối tượng học sinh dưới sự hướng dẫn một cách linh hoạt của giáo viên. Khuyến khích học sinh hoạt động tự tìm tòi, chiếm lĩnh kiến thức để sử dụng vào việc đề xuất, thiết kế sản phẩm.

+ **Hoạt động 3:** Lựa chọn giải pháp Tổ chức cho học sinh trình bày, giải thích và bảo vệ bản thiết kế kèm theo thuyết minh (sử dụng kiến thức mới học và kiến thức đã có); giáo viên tổ chức góp ý, chú trọng việc chỉnh sửa và xác thực các thuyết minh của học sinh để học sinh nắm vững kiến thức mới và tiếp tục hoàn thiện bản thiết kế trước khi tiến hành chế tạo, thử nghiệm.

+ **Hoạt động 4:** Chế tạo mẫu, thử nghiệm và đánh giá Tổ chức cho học sinh tiến hành chế tạo mẫu theo bản thiết kế, kết hợp tiến hành thử nghiệm trong quá trình chế tạo. Hướng dẫn học sinh đánh giá mẫu và điều chỉnh thiết kế ban đầu để bảo đảm mẫu chế tạo là khả thi.

+ **Hoạt động 5:** Chia sẻ, thảo luận, điều chỉnh Tổ chức cho học sinh trình bày sản phẩm học tập đã hoàn thành; trao đổi, thảo luận, đánh giá để tiếp tục điều chỉnh, hoàn thiện.

❖ **Tiêu chí đánh giá bài học STEM:**

- Đánh giá việc tổ chức dạy học STEM: Đánh giá vai trò tổ chức, kiểm tra, định hướng trong hoạt động của giáo viên được thể hiện qua kế hoạch (giáo án) và tài liệu dạy học; tổ chức hoạt động học tập cho học sinh; hoạt động học tập của học sinh. Các tiêu chí đánh giá thực hiện theo Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 08/10/2014 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn của trường trung học/trung tâm giáo dục thường xuyên qua mạng và Công văn số 1911/SGDĐT-GDTrH ngày 27/10/2017 của Sở GDĐT về việc ban hành tiêu chí đánh giá, xếp loại giờ dạy của giáo viên từ năm học 2017 - 2018.

❖ **Đánh giá kết quả học tập:** Việc đánh giá kết quả học tập của học sinh theo phương thức giáo dục STEM được thực hiện theo quy định tại Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ GDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

III. BÀI DẠY THỂ NGHIỆM

CHỦ ĐỀ: NGÀNH DỊCH VỤ (Thực hiện trong 4 tiết: 17, 18, 19, 20)

TIẾT 1 - BÀI 13:

VAI TRÒ, ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CỦA DỊCH VỤ

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Nêu được khái niệm, đặc điểm phân bố và cơ cấu ngành dịch vụ. Vận dụng kiến thức về cơ cấu đó để giải thích được ở mức độ đơn giản các vấn đề liên quan đến các nhóm ngành dịch vụ đó.

- Đánh giá được vai trò quan trọng của ngành dịch vụ đối với sản xuất và đời sống. Lấy được ví dụ và phân tích được vai trò của dịch vụ trong đời sống và sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

- Phân tích được sự phát triển của dịch vụ. Dự báo được xu hướng phát triển dịch vụ trong tương lai.

- Vận dụng được kiến thức thực tiễn để đưa ra lập luận giải thích sự phân bố của ngành dịch vụ.

2. Kỹ năng:

- Đọc sơ đồ cơ cấu ngành dịch vụ.
- Đọc, phân tích biểu đồ, số liệu để rút ra kết luận về sự phát triển của ngành dịch vụ.
- Phân tích tranh ảnh địa lý liên quan đến các loại hình dịch vụ.
- Đọc lược đồ, Át lát địa lý để làm rõ sự phân bố của ngành dịch vụ

3. Thái độ:

- Có nhận thức đúng đắn về vai trò của dịch vụ, sự cần thiết phải chú trọng phát triển dịch vụ như một xu thế tất yếu của nền kinh tế hiện đại trong tương lai.

- Trân trọng những giá trị ưu việt của một số loại hình dịch vụ (bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội,...)

4. Năng lực hình thành:

- Năng lực chung: Năng lực tự học, sáng tạo, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực chuyên biệt: Năng lực sử dụng biểu đồ, số liệu thống kê, tranh ảnh.

II. CÁC KĨ NĂNG SỐNG ĐƯỢC GIÁO DỤC TRONG BÀI:

- Thu thập và xử lí thông tin; giao tiếp trình bày suy nghĩ, tự nhận thức.

III. CÁC PHƯƠNG PHÁP/KĨ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC CÓ THỂ SỬ DỤNG

- Phương pháp thuyết trình, nêu vấn đề và giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, tổ chức chơi trò chơi để cùng khai thác kiến thức,...

IV. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Máy tính. Giấy A0. Bút dạ...
- Át lát Địa lý.
- Các loại phiếu học tập

V. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5 phút)

1. Mục tiêu

- Học sinh có được mối liên hệ giữa các hoạt động của ngành dịch vụ mà các em đã biết trong cuộc sống với các kiến thức các em muốn được biết thêm, hiểu thêm, khám phá thêm qua bài học. Qua đó kích thích trí tò mò của học sinh, đặt ra mong muốn giải quyết vấn đề trong bài học.

- Hoạt động lôi cuốn, tạo hứng thú cho học sinh, tạo cho HS tâm thế thoải mái, hào hứng đón nhận bài học.

- Rèn kỹ năng biểu đạt, phát triển tương tác giữa các thành viên trong lớp học.

2. Phương pháp/ kỹ thuật dạy học:

- Phương pháp tổ chức trò chơi kết hợp với kỹ thuật động não ở mức độ thấp.

3. Phương tiện:

- Phiếu học tập có ghi tên một số loại hình dịch vụ gắn gũi trong cuộc sống của học sinh như: Giao thông vận tải, Bưu chính viễn thông, Giáo dục, Bảo hiểm, Thương mại, Du lịch. Giáo viên có thể chuẩn bị phần thưởng cho học sinh như điểm số, tràng pháo tay, hiện vật,...

4. Tiến trình hoạt động

- Bước 1: Giáo viên nêu yêu cầu của trò chơi, giới thiệu luật chơi, phần thưởng.

- Trò chơi sẽ được thực hiện theo hình thức mỗi nhóm chọn 1 cặp đôi (3 nhóm/3 cặp) cử một học sinh lên bảng, bốc thăm một tình huống đã được giáo viên chuẩn bị sẵn.
- Nhiệm vụ của hs là cầm phiếu học tập có ghi tên loại hình dịch vụ mà mình biết. Không được dùng lời nói mà chỉ bằng cử chỉ biểu đạt về loại hình dịch vụ đó.
- Nhiệm vụ của bạn còn lại là trong thời gian nhanh nhất nêu được chính xác tên của loại hình dịch vụ đó và chỉ được nêu duy nhất một lần.
- Cặp đôi nào thực hiện một lần thành công sẽ là người chiến thắng. Thời gian tối đa để thực hiện trò chơi là 3 phút.

➤ Nhiệm vụ biểu đạt: Giao thông vận tải, Bưu chính viễn thông, Du lịch...

- Bước 2: Học sinh tham gia trò chơi.

- Bước 3: Trao phần thưởng cho người chiến thắng.

- Bước 4: Giáo viên nêu câu hỏi, đặt ra mâu thuẫn, kích thích học sinh đi tìm hiểu và giải quyết mâu thuẫn trong bài học:

- GV dẫn dắt: *Các loại hình dịch vụ mà chúng ta vừa biết tên ở trên thuộc ngành dịch vụ. Vậy dịch vụ có tạo ra giá trị hay không? Giá trị đó là gì? Giá trị đó có gì khác với ngành nông nghiệp và công nghiệp mà chúng ta đã tìm hiểu? Cô trò chúng ta cùng nhau làm rõ trong bài học ngày hôm nay.*

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (35 phút)

Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm, cơ cấu ngành dịch vụ (7 phút)

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

+ Giáo viên yêu cầu HS quan sát SGK kết hợp kiến thức thực tế, GV nêu tình huống để HS suy nghĩ:

* Tình huống:

- Khi nhà em trồng nhiều rau, số lượng nhiều có nhu cầu bán, em phải làm sao để bán được sản phẩm?

- Khi gia đình em có người bị đau ốm, em tìm đến đâu để giải quyết?

- Khi gia đình em có nhu cầu đi du lịch ở Đà Nẵng trong mùa hè tới, gia đình em cần chuẩn bị những gì?

HS: Tham gia trả lời, giải quyết tình huống.

+ GV nêu CH: Vậy những tình huống trên nhằm giải quyết những nhu cầu rất cần thiết, phổ biến trong đời sống. Không phải ngành nông nghiệp, công nghiệp giải quyết cho chúng ta mà chính là ngành dịch vụ. **Vậy khái niệm dịch vụ được hiểu như thế nào?**

+ Giáo viên nêu vấn đề để học sinh suy nghĩ, hợp tác theo kỹ thuật chia sẻ nhóm đôi: **Vậy dịch vụ có tạo ra giá trị không? Theo em, giá trị này có gì khác với giá trị của ngành nông nghiệp, công nghiệp hay không?**

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:

- Nêu khái niệm ngành Dịch vụ.
- Cùng suy nghĩ vấn đề được nêu ra trong câu hỏi theo cặp, các cặp lại tiếp tục chia sẻ quan điểm với nhau.
- Hoạt động cá nhân theo kỹ thuật tia chớp.

Bước 3: Trao đổi, thảo luận

- Học sinh chia sẻ, thảo luận.
- Học sinh rút ra kiến thức, kỹ năng cần thiết cho bản thân sau quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Bước 4: Phân tích, đánh giá

GV tổ chức, hướng dẫn cho HS rút ra kiến thức cần thiết.

I. Cơ cấu và vai trò của ngành dịch vụ:

1. Cơ cấu ngành dịch vụ:

- Khái niệm: Dịch vụ là các hoạt động đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của con người.
- Cơ cấu: Rất đa dạng, gồm:
 - + Dịch vụ tiêu dùng
 - + Dịch vụ sản xuất
 - + Dịch vụ công cộng

Hoạt động 2: Tìm hiểu vai trò của ngành dịch vụ (8 phút)

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV nêu yêu cầu, cách thức làm việc để học sinh thực hiện nhiệm vụ:

- GV chia lớp thành 3 nhóm:
 - + Nhóm 1: Tìm hiểu vai trò của dịch vụ trong sản xuất.
 - + Nhóm 2: Tìm hiểu vai trò của dịch vụ trong đời sống.
 - + Nhóm 3: Nhóm chuyên gia - Tách thành 2 nhóm nhỏ tư vấn, hỗ trợ cho nhóm 1, 2. Sau đó đánh giá chéo kết quả làm việc của 2 nhóm.

- Mỗi nhóm được phát một tờ giấy rô ki khô Ao, bút dạ, nam châm.
- Cách thức thực hiện với 3 thao tác:

. Thao tác 1: Mỗi thành viên trong nhóm chuẩn bị một mẫu giấy, suy nghĩ độc lập và ghi chép ý kiến của mình vào đó.

. Thao tác 2: Các thành viên trong nhóm cùng nhau tổng hợp các ý kiến, loại bỏ các ý kiến trùng nhau, sắp xếp các ý kiến theo logic hợp lý.

. Thao tác 3: Trình bày lại trên giấy A0 và chuẩn bị trưng bày.

- GV lưu ý HS khi trình bày trên giấy A0 cần viết cỡ chữ to, đảm bảo phạm vi trong lớp học nhìn rõ.

Bước 2: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ học tập.

- GV bao quát, quan sát, phát hiện kịp thời và có biện pháp hỗ trợ khi các nhóm gặp khó khăn.

Bước 3: Các nhóm trình bày theo hình thức trưng bày trên bảng.

Bước 4: Phân tích, đánh giá:

Các nhóm tham gia nhận xét, phản biện: Nhóm 3.1 - 2; Nhóm 3.2 - 2.

GV nhận xét quá trình thảo luận, trao đổi, phản biện của các nhóm. Trên cơ sở kết quả của các nhóm, GV cùng với HS chốt kiến thức cần thiết.

2. Vai trò của dịch vụ trong sản xuất và đời sống:

*** Đối với sản xuất:**

- Cung cấp nguyên liệu, vật tư cho sản xuất.
- Hỗ trợ quá trình tiêu thụ sản phẩm
- Tạo mối liên hệ giữa các ngành sản xuất, các vùng trong nước và giữa nước ta với nước ngoài.

*** Đối với đời sống:**

- Tạo nhiều việc làm, góp phần quan trọng nâng cao đời sống nhân dân, đem lại nguồn thu nhập lớn cho nền kinh tế.

Hoạt động 3: Tìm hiểu sự phát triển của ngành dịch vụ (5 phút)

- HS quan sát biểu đồ, bảng số liệu rút ra nhận xét về sự phát triển của ngành dịch vụ ở nước ta:

? Nhận xét về tỉ trọng của ngành dịch vụ trong cơ cấu GDP của nước ta?

? Nhận xét về tỉ trọng lao động của ngành dịch vụ trong cơ cấu lao động của nước ta?

? Nhận xét về tốc độ tăng trưởng của ngành dịch vụ từ 2005 – 2017?

II. SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CỦA NGÀNH DỊCH VỤ:

1. Đặc điểm phát triển:

- Khu vực dịch vụ đang có những đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước.
- Tốc độ tăng trưởng tương đối ổn định. (năm 2017 đạt 7,4%).
- Chiếm 42,7% cơ cấu GDP và 35,3% cơ cấu lao động (năm 2018)

GV cho HS quan sát bảng số liệu: Tỷ trọng dịch vụ trong GDP của Việt Nam và một số nước trên thế giới (2014): *So sánh tỷ trọng dịch vụ trong cơ cấu GDP của nước ta với các nước trong khu vực và thế giới?*

Liên hệ để HS hiểu được:

** Thực tế, ngành Dịch vụ ở nước ta vẫn chưa thể hiện được rõ vai trò chủ đạo dẫn dắt tốc độ tăng trưởng nền kinh tế. So với các nước trong khu vực và trên thế giới, quy mô và chất lượng dịch vụ của Việt Nam còn thấp; Tốc độ chuyển dịch cơ cấu GDP của nền kinh tế theo hướng dịch vụ hóa còn rất chậm, mức độ tác động lan tỏa thấp. Trong thời gian tới, Việt Nam vẫn phải tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực, tỷ trọng dịch vụ cần được tăng mạnh hơn, bền vững hơn, theo hướng dịch vụ hóa. Đó là xu thế tất yếu của sự phát triển.*

Hoạt động 4: Tìm hiểu sự phân bố của ngành dịch vụ (15 phút)

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV khéo léo dẫn dắt HS vào phần thi hùng biện với chủ đề:

Bạn nghĩ như thế nào về sự phân bố của ngành dịch vụ ở Việt Nam?

- Cách thức: GV chia lớp thành 3 nhóm, tổ chức cho hs bốc thăm ngẫu nhiên

+ Hai nhóm hùng biện: 2 hs đại diện 2 nhóm lên hùng biện theo chủ đề đã được giao chuẩn bị trước (trong thời gian 3 phút).

+ Nhóm còn lại cử 4 học sinh đưa vào thành phần Ban giám khảo, Ban thư ký để cùng GV đánh giá, cho điểm, quay video, ghi hình và tổng hợp phần thi của bạn mình. Kết quả đánh giá sẽ được tính là điểm trung bình của các thành phần trong Ban giám khảo.

(Mục đích là rèn cho HS kỹ năng tự đánh giá, được tham gia đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của bạn mình, từ đó rút ra bài học cần thiết cho bản thân trong những hoạt động tiếp theo)

Bước 2: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ được giao, bám sát tiêu chí chấm điểm:

1. Tinh thần, thái độ làm việc: Hợp tác, tương tác tốt trong nhóm **(2 điểm)**

2. Nội dung: **(6 điểm)**

- Làm rõ được đặc điểm phân bố của ngành dịch vụ ở Việt Nam (2 điểm)

- Có cách tiếp cận độc đáo, sáng tạo, hợp lý (2 điểm)

- Đưa ra luận điểm, luận chứng logic, thuyết phục (2 điểm)

3. Hình thức trình bày: Biểu cảm, tự nhiên, thuyết phục **(2 điểm)**

Bước 3: Hai hs đại diện nhóm trình bày trên BĐ. Ban giám khảo đánh giá, chấm điểm. Ban thư ký tổng hợp điểm sau mỗi phần trình bày để có kết quả công bố sau khi kết thúc phần thi.

Bước 4: Phân tích, đánh giá: GV cùng Ban giám khảo thông qua nhận xét về tinh thần, kết quả làm việc của các cặp. Trao phần thưởng cho các cặp có điểm số cao nhất.

- GV cùng HS chốt kiến thức cần thiết:

2. Đặc điểm phân bố:

- Dịch vụ phân bố phụ thuộc vào đối tượng đòi hỏi dịch vụ, đó là:
 - + Dân cư
 - + Sự phát triển của các ngành kinh tế.
- Hai vùng kinh tế có hoạt động dịch vụ phát triển nhất: Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Hồng.
- Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội là hai trung tâm dịch vụ lớn và đa dạng nhất nước ta.

C - D: HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG (5 phút)

Trò chơi "đoàn tàu tri thức"

Bước 1: GV chiếu gói câu hỏi được đánh số. Nội dung câu hỏi xuyên suốt bài học. Học sinh sẽ xung phong lựa chọn số ngẫu nhiên có chứa câu hỏi, suy nghĩ nhanh và trả lời câu hỏi, mỗi phương án trả lời được đưa ra nhanh nhất và chính xác nhất sẽ được thưởng bằng một vé số học tập.

- **Câu 1:** Có những nhóm ngành dịch vụ nào ở nước ta?
- **Câu 2:** Tại sao nói Dịch vụ rất quan trọng?
- **Câu 3:** Kể tên 5 hoạt động dịch vụ phổ biến.
- **Câu 4:** Em có nhận xét gì về sự phân bố của ngành dịch vụ?
- **Câu 5:** Tại sao nói TP HCM và Hà Nội là hai trung tâm dịch vụ lớn và đa dạng ở nước ta? (chứng minh)
- **Câu 6:** Những ngành dịch vụ nào được phát triển tại địa phương?
- **Câu 7:** Nếu em là một chuyên gia kinh tế, em hãy đưa ra 3 biện pháp để đẩy mạnh phát triển ngành dịch vụ ở địa phương em đang sinh sống?

Bước 2: Học sinh trả lời câu hỏi theo dẫn dắt của GV

Bước 3: Trao đổi, thảo luận về các nội dung trả lời trong các câu hỏi.

Bước 4: Phân tích, đánh giá: GV nhận xét về quá trình làm việc của HS, mức độ chính xác của các phương án trả lời, dẫn dắt HS vào hoạt động nối tiếp.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG (2 phút)

* HS thiết kế sơ đồ tư duy về nội dung bài học, với các nhánh trung tâm sau:

- + Khái niệm.
- + Vai trò
- + Sự phát triển
- + Sự phân bố

* Chuẩn bị nội dung tiết học tiếp theo: Tìm hiểu về tình hình phát triển; ưu điểm, hạn chế của các loại hình giao thông vận tải ở nước ta.

TIẾT 2 – BÀI 14: GIAO THÔNG VẬN TẢI VÀ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức:

- HS phải nắm được đặc điểm phân bố của các mạng lưới và các đầu mối giao thông vận tải chính của nước ta, cũng như các bước tiến mới trong hoạt động giao thông vận tải.
- HS phải nắm được các thành tựu to lớn của ngành bưu chính viễn thông và tác động của các bước tiến này đến đời sống kinh tế xã hội của đất nước.

2. Kỹ năng:

- Đọc và phân tích lược đồ giao thông vận tải ở nước ta
- Phân tích mối quan hệ giữa sự phân bố mạng lưới giao thông vận tải với sự phân bố các ngành kinh tế khác.
- Xác định trên bản đồ Giao thông Việt Nam một số tuyến giao thông quan trọng và một số đầu mối giao thông lớn.

3. Tư tưởng:

- Giáo dục ý thức thực hiện luật an toàn giao thông.
- Khai thác kiến thức qua mạng Internet

4. Định hướng năng lực được hình thành:

- **Năng lực chung:** tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, tự quản lí, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ.
- **Năng lực chuyên biệt:** tư duy tổng hợp theo lãnh thổ, học tập tại thực địa, sử dụng bản đồ, hình ảnh....

II. CÁC KĨ NĂNG SỐNG ĐƯỢC GIÁO DỤC TRONG BÀI:

- Thu thập và xử lí thông tin; giao tiếp trình bày suy nghĩ, tự nhận thức.

III. CÁC PHƯƠNG PHÁP/KĨ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC CÓ THỂ SỬ DỤNG

- Diễn tiểu phẩm, tạo nhóm chơi trò chơi để cùng khai thác kiến thức, thuyết trình, nêu vấn đề và giải quyết vấn đề.

IV. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Bản đồ GTVTVN
- Lược đồ sgk; một số hình ảnh liên quan.
- Biểu tượng cho hs chọn đáp án: Đúng, sai
- Một số tư liệu về sự phát triển tăng tốc của ngành BCVT...
- **Tiết học thực hiện tại sân trường (bàn, ghế và giá treo bản đồ...)**

V. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

A. Hoạt động khởi động:

Gv cho hs theo dõi tiêu phẩm trong khoảng thời gian 5 phút (Do hs đóng có nội dung về vai trò của hoạt động GTVT – có kịch bản cụ thể riêng)

Sau khi theo dõi tiêu phẩm xong, gv hỏi cả lớp về nội dung của tiêu phẩm.

Rút ra vai trò, ý nghĩa của các hoạt động GTVT. Từ đó GV giới thiệu vào bài mới và chốt luôn nội dung kiến thức phần thứ 1 ý nghĩa của GTVT

- Vận chuyển hàng hóa.
- Vận chuyển hành khách.
- Tạo mối liên hệ trong và ngoài nước.
- Thúc đẩy sản xuất phát triển.

B. Hoạt động hình thành kiến thức

➤ **Hoạt động 1: Tìm hiểu về ý nghĩa của giao thông vận tải nước ta.**

- HS đã rút ra kiến thức kết hợp từ phần khởi động.
- GV cho HS ghi nhanh tóm tắt về ý nghĩa giao thông vận tải vào phiếu học tập

? Tại sao khi tiến hành đổi mới, chuyển sang nền kinh tế thị trường giao thông vận tải được chú trọng đi trước một bước? (HS đọc mục 1)

- Không thể thiếu đối với các ngành sản xuất. Mạch máu trong cơ thể. Là ngành có vị trí quan trọng trong kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội của đất nước, có tác động lớn đến sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Giao thông đi trước, hoàn thiện thì vận chuyển mới thông suốt, thúc đẩy KT phát triển.

➤ **Hoạt động 2: Tìm hiểu sự phát triển ngành GTVT nước ta. Đọc trên bản đồ các tuyến đường bộ, nhà ga, các cảng, sông chính và một số sân bay.**

- GV trao đổi cùng hs:

+ *Hiện nay các em đã tham gia những loại hình GTVT nào? Loại hình nào các em thường sử dụng nhất?*

+ *Ngoài những loại hình giao thông mà các em đang sử dụng thì ở nước ta hiện nay còn có những loại hình GTVT nào?*

➤ Từ những ý kiến trả lời của hs gv dẫn dắt hs tới nội dung thứ 2: Ở nước ta hiện nay có đầy đủ các loại hình GTVT. Vậy mỗi loại hình GTVT ấy hiện nay tình hình phát triển, phân bố như thế nào và có những ưu điểm và hạn chế gì chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu.

- GV tổ chức cho học sinh chơi trò chơi kết bạn để học sinh tự kết bạn tạo thành 5 nhóm. Sau đó Gv hướng dẫn học sinh tham gia trò chơi **“Khám phá trạm giao thông”** để cùng nhau tìm hiểu kiến thức của phần 2 các loại hình GTVT ở nước ta.

- Gv phổ biến cho hs biết luật chơi và cách hs ghi nhận kiến thức:

- HS kết được 5 nhóm, mỗi nhóm cử 1 bạn làm nhóm trưởng lên bốc thăm chọn nội dung cho nhóm làm việc.

- GV chuẩn bị sẵn 6 tấm hình về 6 loại hình GTVT ở nước ta (riêng đường sông và đường ống sẽ chung 1 tấm) và cho hs lên bốc thăm, nhóm nào bốc trúng loại hình nào sẽ về thực hiện nội dung báo cáo của loại hình GTVT đó.

- Mỗi nhóm sẽ làm việc tại 1 trạm của mình trong thời gian khoảng 5 phút.

➤ **Nội dung chuẩn bị báo cáo của các nhóm như sau:** (Phần này tất cả hs đã được giao chuẩn bị trước ở nhà về tất cả các loại hình giao thông trong phiếu học tập, khi làm việc theo nhóm hs sẽ hội ý cùng các thành viên trong nhóm để có nội dung hoàn chỉnh về loại hình giao thông mà nhóm đã bốc thăm trúng)

+ Giới thiệu về loại hình giao thông của nhóm mình trên bản đồ GTVT (tuyến đường chính, nhà ga, sân bay, cảng, sông...)

+ Tình hình phát triển

+ Ưu điểm, hạn chế.

- Sau 5 phút, dựa vào thứ tự bốc thăm các nhóm sẽ lần lượt di chuyển tới từng trạm để nghe đội bạn trình bày về loại hình giao thông của trạm mình.

- Các nhóm nghe báo cáo xong có quyền đặt câu hỏi, nhóm trình bày có nhiệm vụ giải đáp các câu hỏi đó.

- Tất cả các hs khi di chuyển tới các trạm sẽ mang theo phiếu học tập (GV đã phát trước) ghi nhận lại kiến thức vào phiếu học tập của mình.

- Gv sẽ cùng tham gia tới các trạm nghe báo cáo và tư vấn, hỗ trợ chuẩn kiến thức cho các trạm. GV đánh giá kết quả làm việc của các cá nhân và nhóm.

➤ **Hoạt động 3: Tìm hiểu sự phát triển của ngành Bưu chính viễn thông ở nước ta** (Hs sẽ thực hiện nội dung này trong phần 4 Hoạt động tìm tòi mở rộng)

C – D. Hoạt động thực hành – luyện tập:

➤ Giáo viên tổ chức cho hs chơi trò chơi: **Hành trình xuyên Việt**

* Thẻ lệ trò chơi như sau:

- Mỗi nhóm cử 1 bạn lên tham gia trò chơi (5 nhóm 5 bạn)

- Cử 1 thư ký giám sát các đội chơi.

- 5 bạn hs của mỗi nhóm sẽ đứng tại địa điểm xuất phát là Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Sau đó lần lượt tham gia trả lời 5 câu hỏi trắc nghiệm (gv đã chuẩn bị trước). Mỗi bạn sẽ được nhận 1 bông hoa có các đáp án Đ–S ... để trả lời các câu hỏi.

- Nếu trả lời đúng bạn tham gia sẽ được di chuyển tới trạm tiếp theo (Từ BR-VT tới Tp HCM, Nha Trang, Đà Nẵng, Nghệ An, Hà Nội). Nếu bạn nào trả lời sai tại trạm nào sẽ dừng tại trạm đó. Bạn nào trả lời đúng cả 5 câu hỏi về tới đích trước tiên sẽ nhận được lá cờ Tổ quốc cắm ở trạm Hà Nội và là người chiến thắng trong trò chơi Hành trình xuyên Việt.

* **Câu hỏi trắc nghiệm:**

1. Tuyến đường bộ dài nhất nước ta kéo dài từ Hà Nội đến Cà Mau. - **S**

2. Mạng lưới giao thông đường sắt có ưu điểm lớn nhất là có thể vận chuyển được các loại hàng hóa cồng kềnh nhất. - **S**

3. Trong các loại hình giao thông vận tải ở nước ta, vận tải biển đóng vai trò quan trọng nhất trong quá hội nhập kinh tế của nước ta với các nước trên thế giới. - Đ

4. Ba sân bay Quốc tế lớn nhất nước ta là: Nội Bài, Đà Nẵng, Tân Sơn Nhất. - Đ

5. Sự phát triển của ngành vận tải đường ống ở nước ta gắn liền với nhu cầu vận chuyển than đá. - S

E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

- Học sinh tìm hiểu về tình hình phát triển của ngành Bru chính viễn thông ở nước ta theo 2 câu hỏi mà GV đã yêu trong phiếu học tập cá nhân.

- Sưu tầm các hình ảnh và số liệu liên quan đến sự phát triển của ngành GTVT và BCVT qua mạng Internet.

*** Chuẩn bị nội dung tiết học tiếp theo: Thương mại và du lịch**

- Tìm hiểu về hoạt động nội thương và ngoại thương.

+ Hoạt động nội thương phát triển mạnh nhất và ít nhất ở đâu? Vì sao?

+ Những mặt hàng xuất, nhập khẩu chính của nước ta? Lý do?

+ Tầm quan trọng của hoạt động ngoại thương trong thời kỳ đổi mới?

- Tìm hiểu về tiềm năng phát triển ngành du lịch và xác định các điểm du lịch nổi tiếng ở nước ta trên bản đồ...

TIẾT 3 – BÀI 15: THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH

I- MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Trình bày được vai trò, tình hình phát triển và phân bố của hoạt động nội thương, ngoại thương.

- Giải thích được tại sao Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh là các trung tâm thương mại, du lịch lớn nhất nước ta.

- Trình bày được tiềm năng, tình hình phát triển của ngành du lịch nước ta trong thời gian qua.

- Vận dụng kiến thức thực tiễn để đưa ra giải pháp hạn chế vấn đề ô nhiễm môi trường trong phát triển du lịch, giới thiệu được về một địa danh du lịch nổi tiếng ở địa phương.

- Đề xuất được giải pháp bảo vệ di sản văn hóa của địa phương.

2. Kỹ năng:

- Đọc và phân tích các biểu đồ, bảng số liệu.

- Phân tích, đánh giá các tiềm năng du lịch.

3. Thái độ:

- Trân trọng các tài nguyên, di sản hiện có

- Có ý thức bảo vệ tài nguyên của đất nước, giữ gìn bản sắc văn hoá Việt Nam.

4. Định hướng năng lực được hình thành:

+ Năng lực tự học, giao tiếp: Biết đọc Atlas, các lược đồ, phối hợp trong nhóm để tìm ra câu trả lời.

+ Năng lực sử dụng bản đồ, hình vẽ tranh ảnh địa lí: Tìm được trên Atlas cách chỉ ra các vùng có mức bán lẻ hàng hóa cao nhất, nhận xét biểu đồ chỉ ra các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của nước ta, so sánh được giá trị xuất khẩu và nhập khẩu, các tài nguyên, các trung tâm du lịch của nước ta

+ Năng lực tư duy tổng hợp theo lãnh thổ: mối quan hệ giữa thương mại và du lịch với các ngành kinh tế khác.

5. Giáo dục ý thức bảo vệ di sản- môi trường:

- Có ý thức trách nhiệm với cộng đồng trong vấn đề bảo vệ tài nguyên du lịch.

II. CÁC KĨ NĂNG SỐNG ĐƯỢC GIÁO DỤC TRONG BÀI:

- Thu thập và xử lí thông tin; giao tiếp trình bày suy nghĩ, tự nhận thức.

III. CÁC PHƯƠNG PHÁP/KĨ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC CÓ THỂ SỬ DỤNG

- Phương pháp thuyết trình, nêu vấn đề và giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, tổ chức chơi trò chơi để cùng khai thác kiến thức. Kỹ thuật chuyên gia...

IV. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Máy tính, Máy chiếu
- Phiếu học tập
- Bản đồ du lịch Việt nam (Át lát địa lí Việt Nam)

V. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

A. Hoạt động khởi động (3 phút)

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS quan sát video clip theo hình thức cá nhân. GV nêu CH cho HS thực hiện nhiệm vụ khi xem 2 video clip:

+ **Video 1:** Du lịch Việt Nam và những con số ấn tượng năm 2018

+ **Video số 2:** Diện mạo kinh tế Việt nam 2019

- Các hoạt động kinh tế nào được thể hiện trong hai video? Các hoạt động kinh tế đó có những đặc điểm gì nổi bật?

Bước 2: Học sinh xem video và trả lời câu hỏi.

Bước 3: Học sinh trả lời câu hỏi, tham gia nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn

Bước 4: GV định hướng nêu vấn đề để dẫn dắt HS vào bài, giải quyết vấn đề trong bài học.

B. Hoạt động hình thành kiến thức mới

HOẠT ĐỘNG 1: Tìm hiểu về ngành thương mại (20 phút)

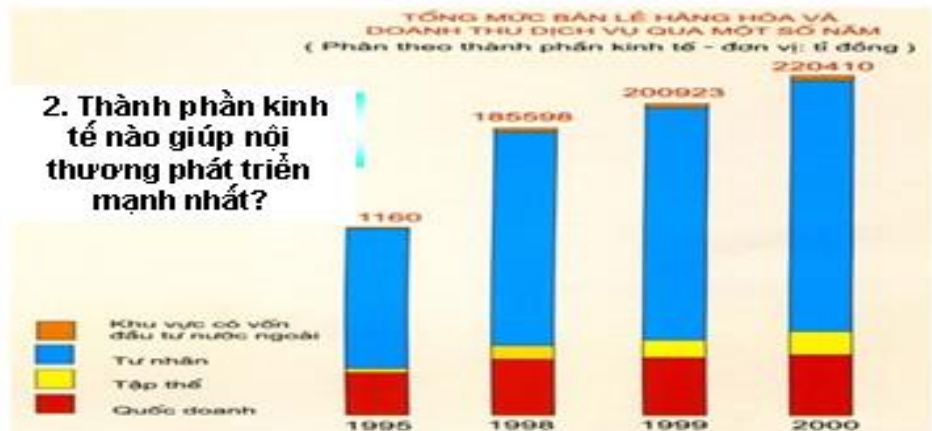
- **Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm hoặc 8 nhóm tùy số học sinh từng lớp, giao nhiệm vụ cho các nhóm qua phiếu học tập



PHIẾU HỌC TẬP NHÓM CHẤM 2,4

3. Dựa vào Át lát địa lý Việt nam, giải thích tại sao TP HCM và Hà nội là hai trung tâm thương mại lớn nhất nước ta?

1. Nêu điểm khác biệt hoạt động thương mại trước 1986 và hiện nay



2. Thành phần kinh tế nào giúp nội thương phát triển mạnh nhất?



1. Nêu vai trò của ngoại thương



2. Khai thác Át lát trang thương mại, cho biết:
+ Các nhóm hàng xuất, nhập khẩu chủ lực của nước ta?
+ Các thị trường xuất khẩu chủ yếu của nước ta?



3. Nhận xét về tình hình phát triển của ngành ngoại thương?

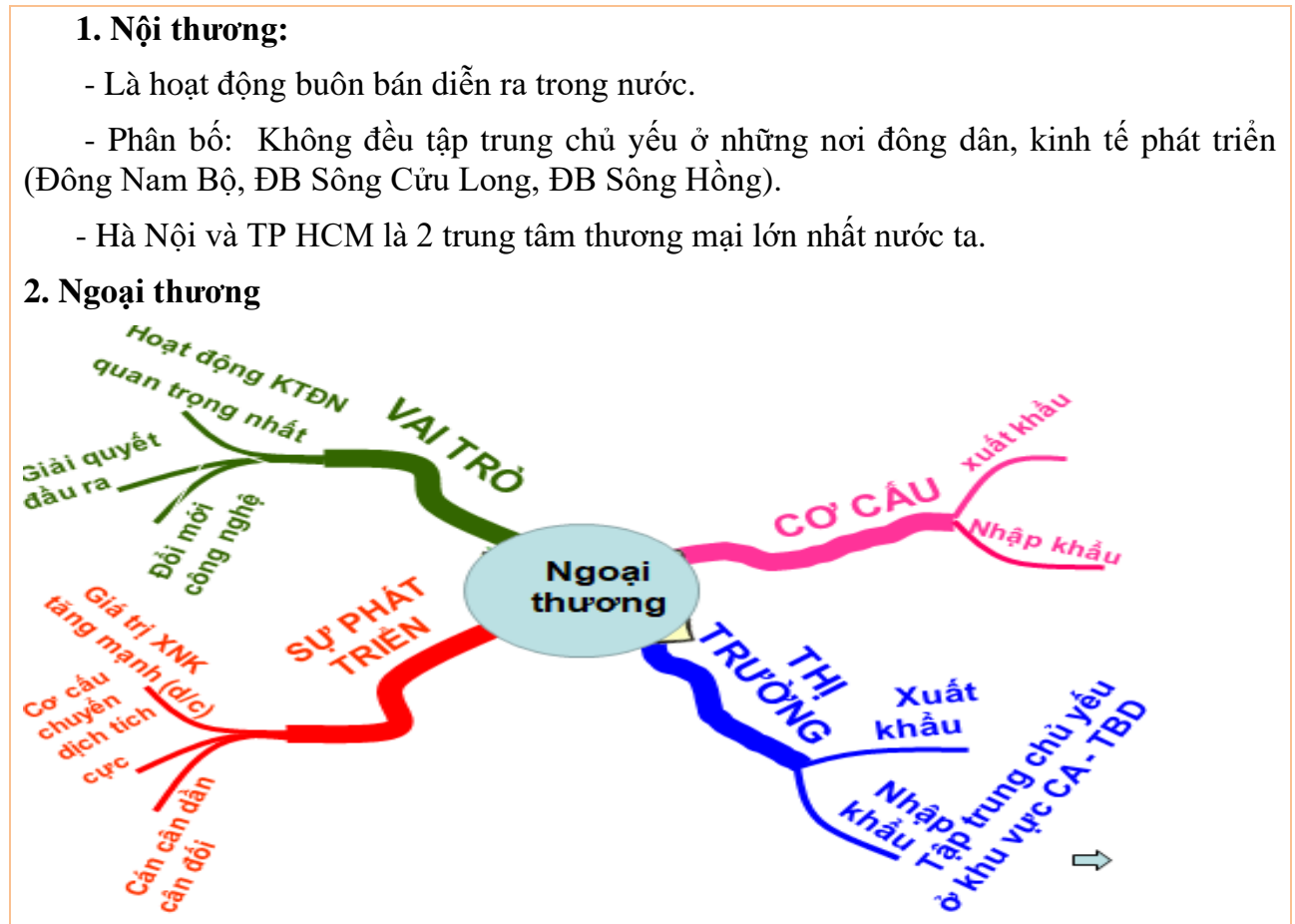
XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ CÂN CÂN THƯƠNG MẠI CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2014-2018



PHIẾU HỌC TẬP NHÓM LẺ 1,3

- **Bước 2:** Học sinh thảo luận những nội dung đã được giao, hoàn thiện nội dung thảo luận vào giấy A0 (1/2 tờ giấy A0). Giáo viên quan sát, giúp đỡ khi cần thiết.

- **Bước 3:** Báo cáo thảo luận: Giáo viên gọi 2/4 nhóm hoặc 4/8 nhóm lên bảng dán kết quả đã được thảo luận trên bảng. Các nhóm khác bên dưới quan sát, đối chiếu với kết quả nhóm mình, nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4:** Phân tích, đánh giá: Sau khi học sinh thảo luận, giáo viên sẽ nhận xét về kết quả học tập, thái độ làm việc của từng nhóm và chốt kiến thức cơ bản theo gợi ý.



* Cho học sinh quan sát 1 số tranh về các mặt hàng xuất nhập khẩu chủ yếu của nước ta để các em thấy rõ hơn về sự đa dạng các mặt hàng.

? Trong hoạt động thương mại hiện nay nước ta còn gặp những khó khăn gì? (mẫu mã sản phẩm, chất lượng sản phẩm bị cạnh tranh với thị trường trên thế giới).

HOẠT ĐỘNG 2 – Tìm hiểu tình hình phát triển và phân bố ngành du lịch (15 phút)

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.

GV chia lớp thành các cặp đôi (2 bạn/1 cặp) bằng cách trả lời câu hỏi theo phiếu học tập. (phiếu học tập là tờ giấy A3 với bảng mẫu kẻ sẵn)

+ Bảng hiểu biết của em và quan sát lược đồ, Át lát địa lí Việt Nam Trang 25 kể tên các tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn của nước ta? (mỗi loại nêu ít nhất 3 ví dụ; Ưu tiên tìm hiểu về địa phương tỉnh.....)

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- Các cặp nhóm cùng nhau trao đổi thảo luận trong 5 phút vào phiếu đã chuẩn bị sẵn.

GV thực hiện: Nguyễn Thị Thu Hằng – THCS Nguyễn Du; Nguyễn Thu Trang – THCS Lê Quang Cường

- GV quan sát giúp đỡ học sinh khi cần thiết.

- Bước 3: Báo cáo và thảo luận:

Các cặp nhóm trao đổi phiếu kết quả thảo luận với nhau. Sau đó cặp 1 báo cáo kết quả của cặp 2, cặp 4 báo cáo kết quả của cặp 3..... Sau đó nhận xét kết quả của các cặp.

- Bước 4: Đánh giá kết quả:

- Giáo viên nhận xét thái độ làm việc của các nhóm. Chuẩn kiến thức cơ bản cần thiết. Các cặp nhóm dựa trên kết quả của giáo viên chấm điểm cho các cặp nhóm được đổi phiếu:
- Thang điểm: Kể tên đủ 9 loại hình du lịch, mỗi loại hình hình du lịch nêu nêu đủ 3 ví dụ cho 9 điểm, thiếu 1 ví dụ/1 loại trừ 0,25đ. Nêu được trên 4-5 ví dụ tặng 0,5đ, nêu được >5 ví dụ tặng 1 điểm)
- Khen thưởng cho các cặp nhóm nhanh nhất có kết quả tốt nhất.
- GV cho HS xem video clip ảnh một số địa điểm du lịch nổi tiếng của Việt Nam, được đánh số, chưa có tên, để HS phát hiện nhanh theo hình thức làm việc cá nhân.
- Giáo viên cùng với HS kết luận kiến thức cơ bản:

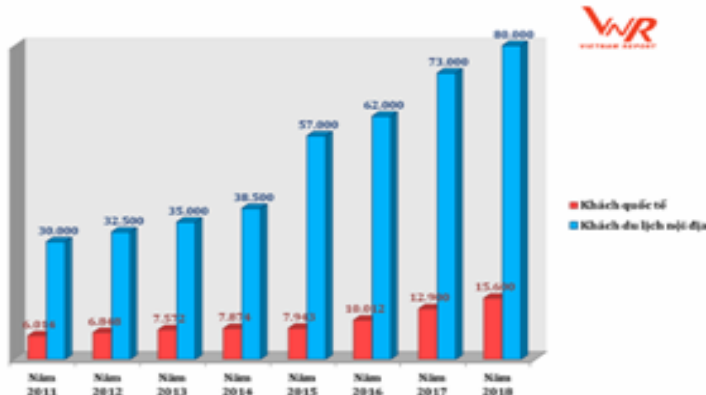
II. Du lịch:

- Tài nguyên du lịch: Phong phú và đa dạng, gồm tài nguyên du lịch tự nhiên và du lịch nhân văn:

- Lượng khách nội địa và khách quốc tế đến Việt Nam thời gian qua tăng mạnh.

- GV chiếu biểu đồ lượng khách du lịch quốc tế và nội địa tại Việt Nam từ 2011 - 2018, GV nêu vấn đề để HS tìm hiểu theo cặp nhỏ (2 HS). Sau đó, mời đại diện một số cặp chia sẻ theo kỹ thuật "**Hỏi chuyên gia**"

Biểu đồ : Lượng khách du lịch quốc tế và nội địa tại Việt Nam (đơn vị: nghìn lượt khách)



**THẢO LUẬN CẶP
HỎI CHUYÊN GIA**



CÙNG SUY NGẪM:

- + Tại sao trong thời gian qua, khách du lịch nội địa ở Việt Nam và khách quốc tế đến Việt Nam đều tăng mạnh?
- + Tại sao nói du lịch là ngành công nghiệp không khói mà vẫn có những tác động xấu đến môi trường?
- + Nếu được đề xuất các biện pháp, hãy đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao thương hiệu du lịch Việt Nam trong thời gian tới?

* **Giáo dục di sản bảo vệ các di sản của địa phương:** Qua hoạt động trải nghiệm, tổ chức diễn đàn,...

* **Giáo dục môi trường:** Vậy là công dân Việt Nam em hãy nêu những biện pháp để bảo vệ phát triển nguồn tài nguyên này?

C - D: Hoạt động thực hành – Luyện tập. (7 phút)

- **Bước 1:** Giáo viên yêu cầu học sinh tự thiết kế 1 sơ đồ tư duy theo cách riêng về một nội dung của bài học ngày hôm nay theo sự sáng tạo của bản thân.

+ Nội dung bài học được đánh số như sau;

Số 1: Sơ đồ tư duy ngành nội thương.

Số 2: Sơ đồ tư duy ngành ngoại thương.

Số 3: Sơ đồ tư duy ngành du lịch.

+ Học sinh nhận nhiệm vụ theo hình thức điểm danh theo hàng ngang: 1-2-3; 1-2-3;

+ Các cặp có cùng nhiệm vụ sẽ trao đổi, nhận xét cho nhau khi hoàn thành bài vẽ.

- **Bước 2:** Học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập. Mỗi học sinh thiết kế sơ đồ theo hình thức cá nhân vào khổ giấy A4, ghi rõ họ tên, số của sơ đồ.

- **Bước 3:** HS trao đổi sản phẩm, nhận xét, bổ sung, phản biện, rút kinh nghiệm cho bạn.

- **Bước 4:** GV tổ chức cho HS hệ thống hóa lại nội dung bài học.

E. Hoạt động tìm tòi mở rộng (5 phút)

- **Bước 1:**

• Đóng vai là một hướng dẫn viên du lịch, hãy giới thiệu với bạn bè và thầy cô về các điểm du lịch nổi tiếng ở địa phương hoặc 1 di sản được UNESCO công nhận là di sản thế giới. Là học sinh em cần làm gì để bảo vệ 2 di sản văn hóa thế giới ở tỉnh ta?

• Viết báo cáo quảng bá về các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của địa phương?

- **Bước 2:** HS về nhà nghiên cứu 2 câu hỏi và trình bày ra giấy theo ý riêng của học sinh giờ sau nộp cho giáo viên.

- **Bước 3:** GV hướng dẫn học sinh trả lời các câu hỏi sgk

- **Bước 4:** GV hướng dẫn học sinh chuẩn bị bài mới

• Tìm hiểu về cách vẽ và nhận xét biểu đồ cơ cấu nhất là biểu đồ miền.

• Cách nhận xét biểu đồ cơ cấu.

Tiết 4: TIẾT HỌC THỰC HIỆN GIÁO DỤC STEM TRÌNH BÀY SẢN PHẨM VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

NỘI DUNG YÊU CẦU: THIẾT KẾ TOUR DU LỊCH THỜI GIAN 3 NGÀY 2 ĐÊM TẠI TỈNH BÀ RIJA – VŨNG TÀU

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức:

- Vận dụng kiến thức về các hoạt động dịch vụ để tổ chức, thiết kế tour du lịch nhằm quảng bá du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Ứng dụng CNTT: Ipad, điện thoại thông minh để kịp thời giải quyết những tình huống phát sinh trong giờ học.

2. Kỹ năng:

- Sử dụng CNTT để tìm kiếm thông tin, thiết kế tour du lịch. Kết hợp kiến thức đã học để thiết kế tour du lịch hoàn chỉnh.
- Sử dụng các phần mềm tin học để thiết kế powerpoint, trang trí poster, thiết kế tờ rơi.
- Rèn luyện kỹ năng thuyết trình, hùng biện; kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm.

3. Thái độ:

- Có nhận thức đúng đắn về vai trò của các hoạt động dịch vụ.
- Biết trân trọng, giữ gìn và phát huy các tiềm năng du lịch của địa phương.

4. Năng lực hình thành:

- Năng lực chung: Năng lực tự học, sáng tạo, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực chuyên biệt: Năng lực sử dụng biểu đồ, số liệu thống kê, tranh ảnh.

II. CÁC KĨ NĂNG SỐNG ĐƯỢC GIÁO DỤC TRONG BÀI:

- Thu thập và xử lý thông tin; giao tiếp trình bày suy nghĩ, tự nhận thức.

III. CÁC PHƯƠNG PHÁP/KĨ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC CÓ THỂ SỬ DỤNG

- Phương pháp thuyết trình, nêu vấn đề và giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, sắm vai. Kỹ thuật chuyên gia...

IV. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS:

2. Chuẩn bị của giáo viên:

- Lên kế hoạch cụ thể, giao việc cho từng nhóm và đôn đốc, hướng dẫn HS hoàn thành sản phẩm của nhóm.

3. Chuẩn bị của học sinh:

- Lên kế hoạch, phân công công việc cho từng thành viên. Tổng hợp, thống nhất các nội dung.

- Sản phẩm đã hoàn thành: bài trình chiếu powerpoint, tờ rơi, poster hoặc các sản phẩm khác của nhóm.

V. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (3 phút)

- GV tổ chức cho HS đóng tiểu phẩm.
- Trong tiểu phẩm thể hiện nhu cầu của một lớp học muốn tham quan, du lịch trước khi kết thúc khóa học.

➤ Qua tiểu phẩm HS sẽ kết nối vào phần trình bày sản phẩm của nhóm bạn sau khi đã tìm hiểu và nắm được kiến thức về các hoạt động dịch vụ ở nước ta.

B. HOẠT ĐỘNG TRÌNH BÀY SẢN PHẨM (40 phút)

Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm:

- Nhóm 1: Đóng vai nhóm sinh viên có nhu cầu sử dụng các hoạt động dịch vụ.
- Nhóm 2, 3, 4: Đóng vai các công ty du lịch thiết kế, trình bày và mời gọi khách hàng lựa chọn sản phẩm của công ty mình.
- Các nhóm đã được giao nhiệm vụ từ tiết học trước và trong tiết học này sẽ trình bày sản phẩm của nhóm dưới hình thức sắm vai như phân công ở trên.

*** Hoạt động 1:**

- Đại diện các công ty du lịch sẽ lên giới thiệu tour du lịch 3 ngày 2 đêm tại Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu của công ty mình bằng các hình thức khác nhau như: Trình bày trên power point, trên giấy Roki, phát tờ rơi, làm trang Web quảng bá du lịch...

- Sau khi 3 công ty du lịch trình bày xong về chương trình, giá cả của tour du lịch theo đơn đặt hàng. Nhóm khách hàng sẽ phản biện chất vấn với từng công ty về tour và đòi hỏi một số thay đổi như: địa điểm tham quan, khách sạn, phương tiện sử dụng, giá cả...

- Các nhóm công ty du lịch sẽ phải phối hợp, hội ý nhanh để giải quyết những yêu cầu mà khách hàng đặt ra. Trong quá trình nhóm giải quyết tình huống phát sinh HS có thể sử dụng điện thoại thông minh hoặc máy tính cá nhân để truy cập Internet tìm kiếm thông tin, điều chỉnh kinh phí, chỉnh sửa tour du lịch cho khách hàng...

*** Hoạt động 2:**

- Các công ty du lịch sẽ lần lượt đưa ra các giải pháp của công ty mình để đáp ứng yêu cầu phát sinh của nhóm khách hàng.

*** Hoạt động 3:**

- Nhóm khách hàng tìm cách phản biện (nếu chưa phù hợp) hoặc thống nhất chọn tour và trình bày được lí do lựa chọn của mình.

C - D. THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP

* Qua hoạt động sắm vai của học sinh để trình bày sản phẩm học tập của từng nhóm, Gv sẽ có một số câu hỏi đặt ra cho các nhóm:

- Nhóm khách hàng đang có những nhu cầu sử dụng các hoạt động dịch vụ nào?
- Trong các hoạt động quảng bá du lịch, các nhóm đã giới thiệu cho du khách sử dụng những loại hình giao thông nào?
- Theo em những loại hình giao thông đó có phù hợp với nhu cầu sử dụng (thời gian, kinh phí, mục đích thăm quan du lịch...) của nhóm khách hàng không? Vì sao?
- Hoạt động thương mại được thể hiện qua những nội dung nào trong quá trình thiết kế tour du lịch cho khách hàng?
- Dịch vụ Bưu chính viễn thông đã hỗ trợ như thế nào cho các công ty du lịch?

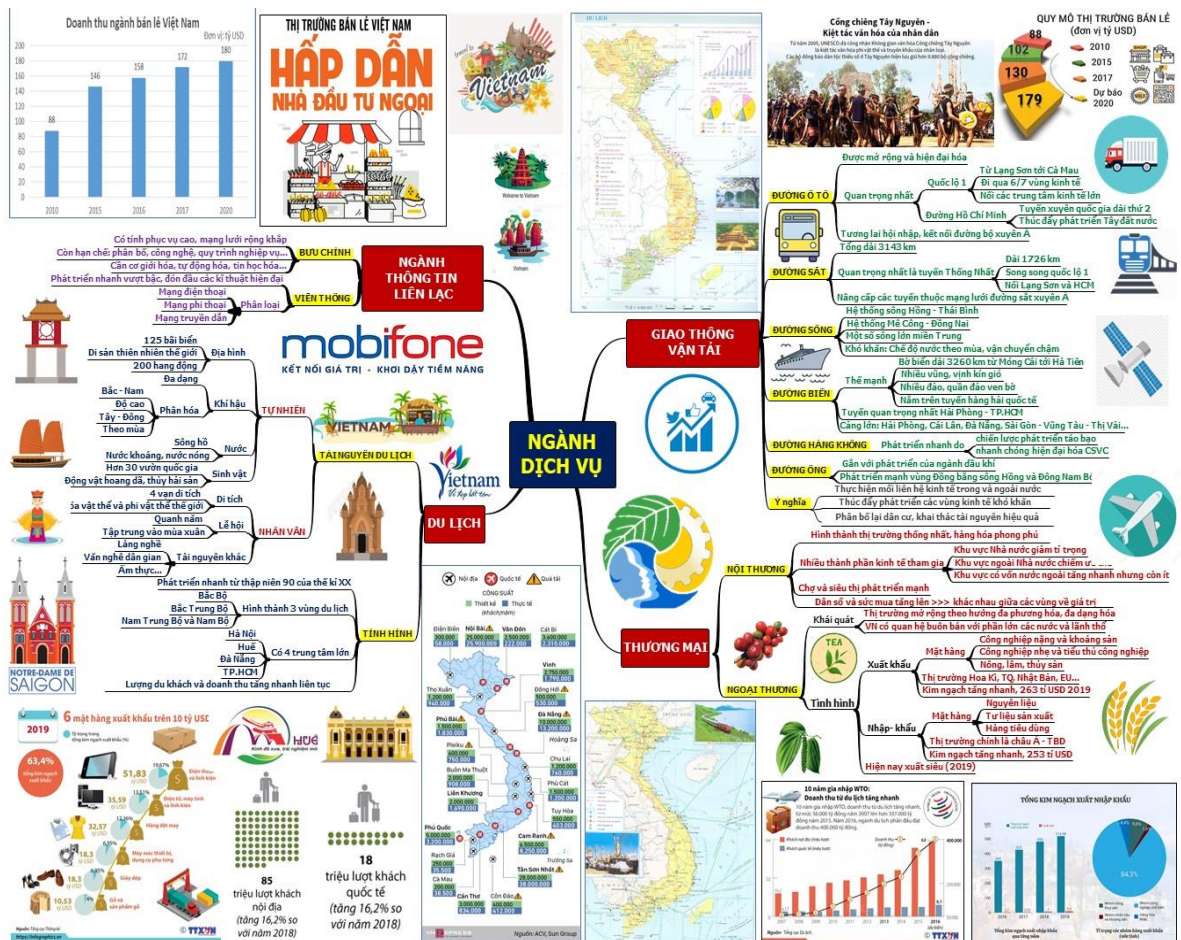
* Gv chốt lại nội dung chủ đề này đã tìm hiểu qua 4 tiết học:

- Tiết 1: Tìm hiểu về vai trò, đặc điểm phát triển và phân bố của dịch vụ.
- Tiết 2: Tìm hiểu về hoạt động GTVT và bưu chính viễn thông.
- Tiết 3: Tìm hiểu về hoạt động thương mại và du lịch.

Qua phần trình bày sản phẩm của các nhóm, các em đã nắm khá tốt kiến thức về các hoạt động dịch vụ ở nước ta hiện nay. Biết lựa chọn các hoạt động dịch vụ phù hợp với yêu cầu của cá nhân như kinh phí, thời gian...

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG

- GV trình chiếu phần tổng hợp kiến thức của chủ đề ngành dịch vụ: Đây là phần hệ thống hóa toàn bộ kiến thức của chủ đề dịch vụ theo hình thức mindmap – infographic mà GV đã thực hiện.



- GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà: Mỗi nhóm sẽ thiết kế một sản phẩm hệ thống hóa kiến thức chủ đề dịch vụ hoàn chỉnh, thời gian hoàn thành là một tuần. GV sẽ thu và chấm điểm từng nhóm cộng với điểm thực hiện sản phẩm của tiết học hôm nay.

- Chuẩn bị nội dung bài học tiếp theo: Thực hành vẽ Biểu đồ về sự thay đổi cơ cấu kinh tế của nước ta

- Học sinh chuẩn bị đầy đủ dụng cụ để thực hiện vẽ biểu đồ.
- Xem lại nội dung kiến thức bài 6.

IV. Kết luận

- Sau khi thực hiện chuyên đề, chúng tôi mong muốn cùng trao đổi và thống nhất với quý thầy cô về khả năng vận dụng phương thức giáo dục STEM trong việc giảng dạy các môn KHXH, đặc biệt là bộ môn Địa lý, ở các nội dung sau:

- + Khả năng áp dụng thực tế?
- + Khả năng áp dụng cùng các phương pháp dạy học tích cực khác?
- + Cách thức thực hiện cụ thể ở bộ môn mình giảng dạy?
- + Thuận lợi và khó khăn khi thực hiện?
- + Áp dụng phương thức giáo dục STEM trong việc kiểm tra đánh giá học sinh?

(Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ GDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 của Bộ trưởng Bộ GDĐT).

- + Các nội dung khác

Chúng tôi rất mong nhận được các ý kiến trao đổi, xây dựng của quý thầy cô sau khi tham dự chuyên đề để góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy bộ môn của toàn thành phố Bà Rịa!

Xin chân thành cảm ơn quý thầy cô!

Bà Rịa, ngày 22 tháng 11 năm 2020
Giáo viên báo cáo

Nguyễn Thị Thu Hằng